



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Tập đoàn Alpha Seven

Ngày 30/06/2025	8,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-6.5%	26.5%	62.3%

DT thuần Q2/25
270
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 90.0 49.9%
YoY: ▲ 186 223%

LN thuần Q2/25
8.79
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 18.4 -67.7%
YoY: ▼ 22.8 -72.2%

LN sau thuế Q2/25
3.30
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 24.2 -88.0%
YoY: ▼ 27.4 -89.3%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
11.4%
YoY: +/- ▼ 8.2%

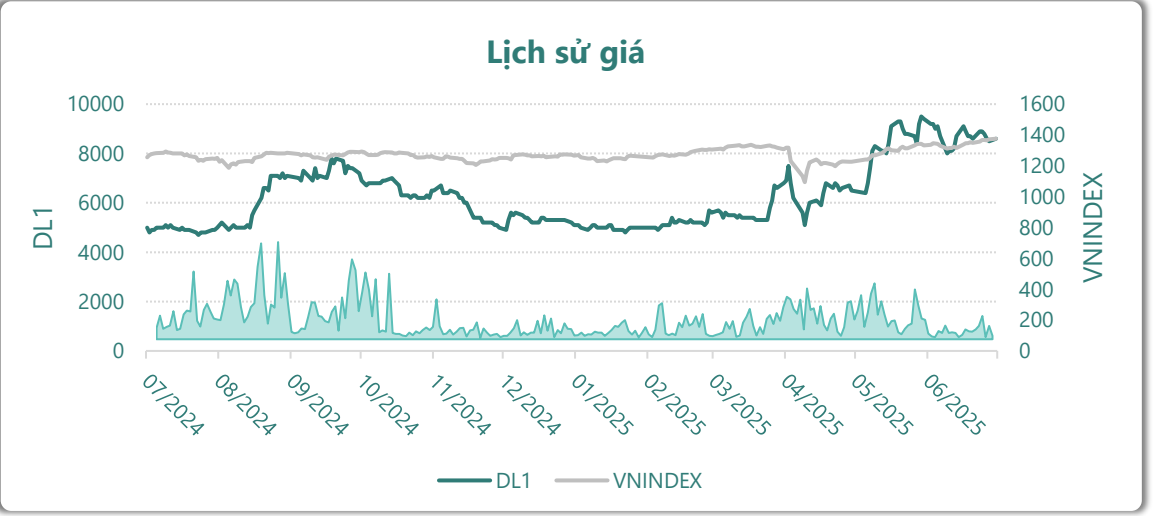
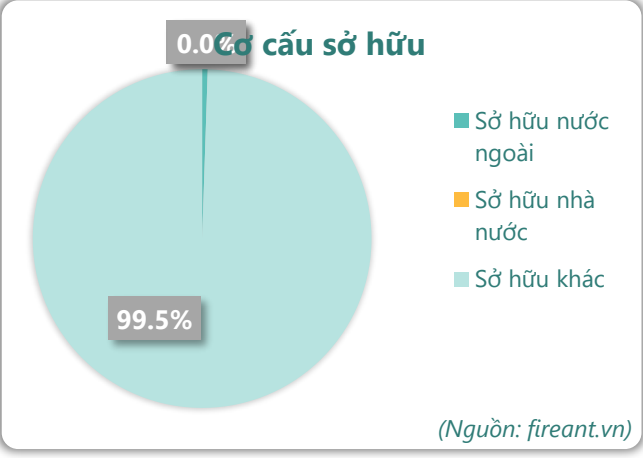
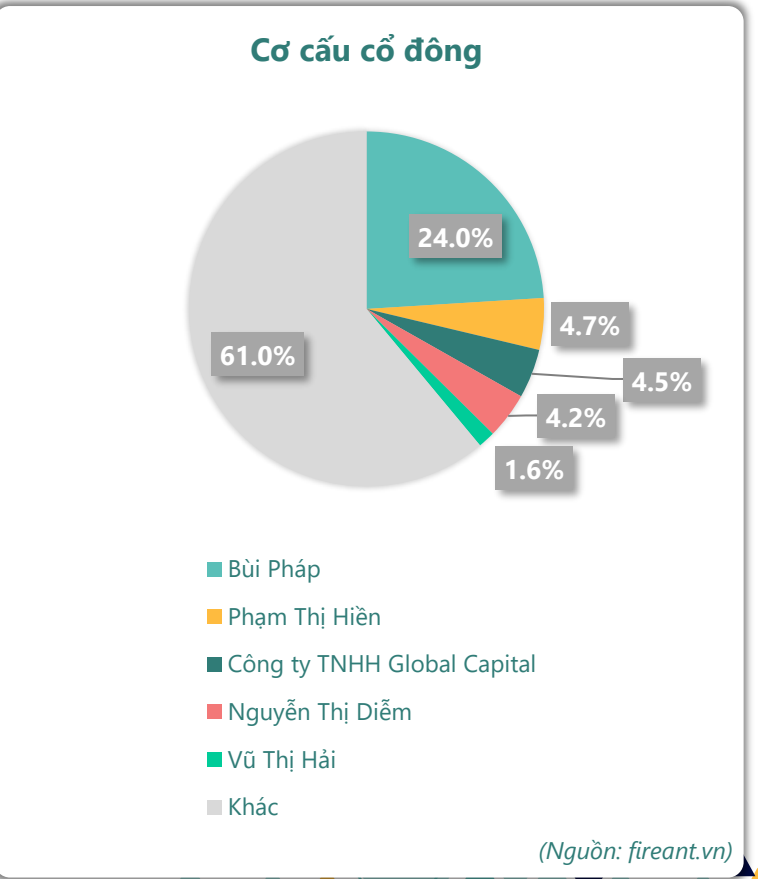
ROE (TTM) Q2/25
-2.0%
YoY: +/- ▼ 2.0%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	4,700 - 9,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	914
Số lượng CPLH (CP)	106,236,094
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,900,485
Sở hữu nước ngoài	0.5%
Beta	1.24
EPS	-258
P/E	-33.3

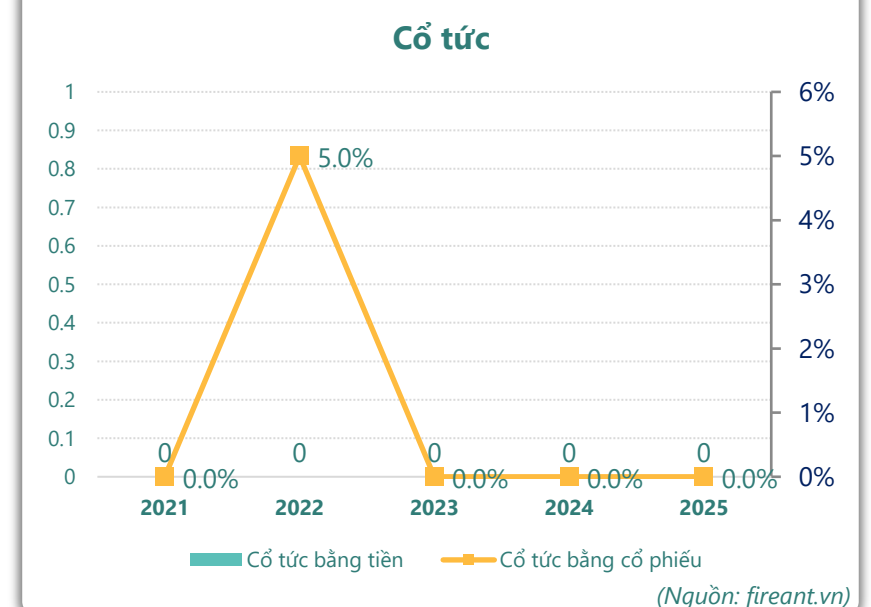
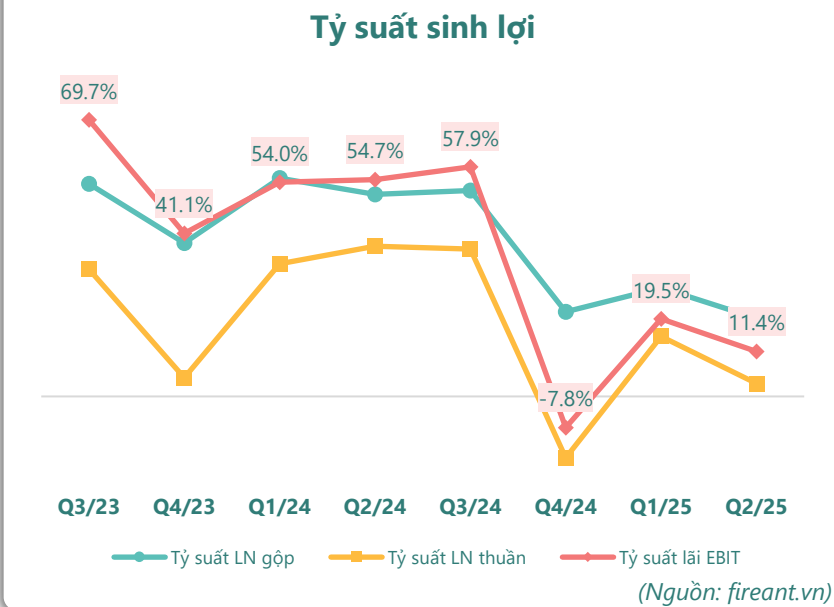
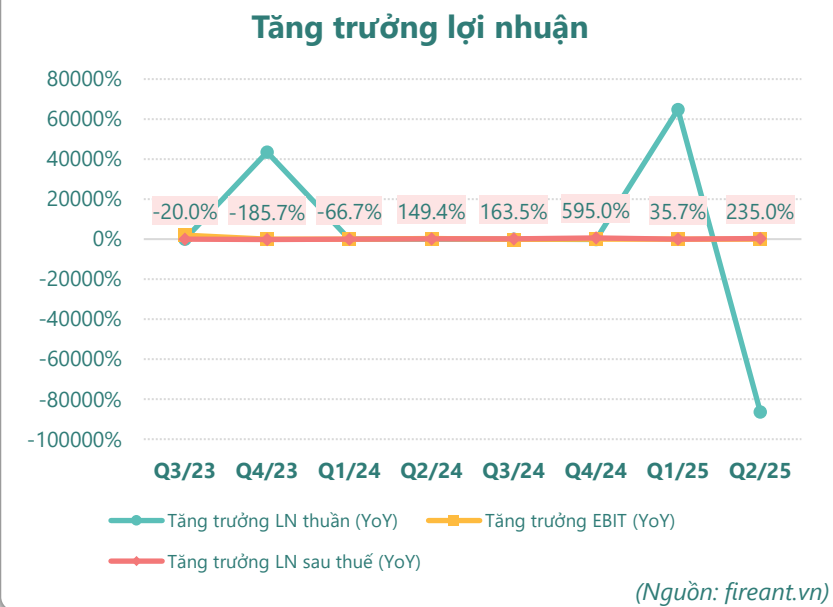
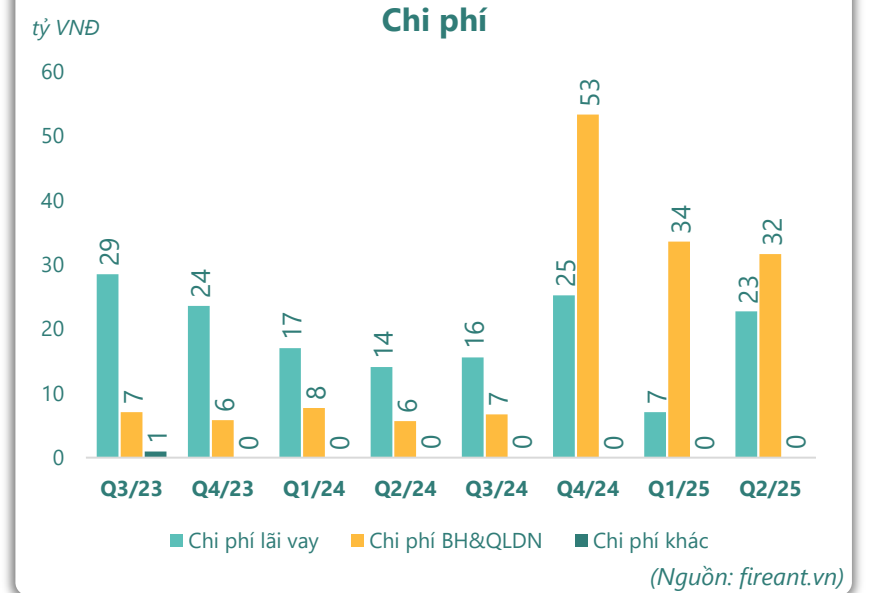
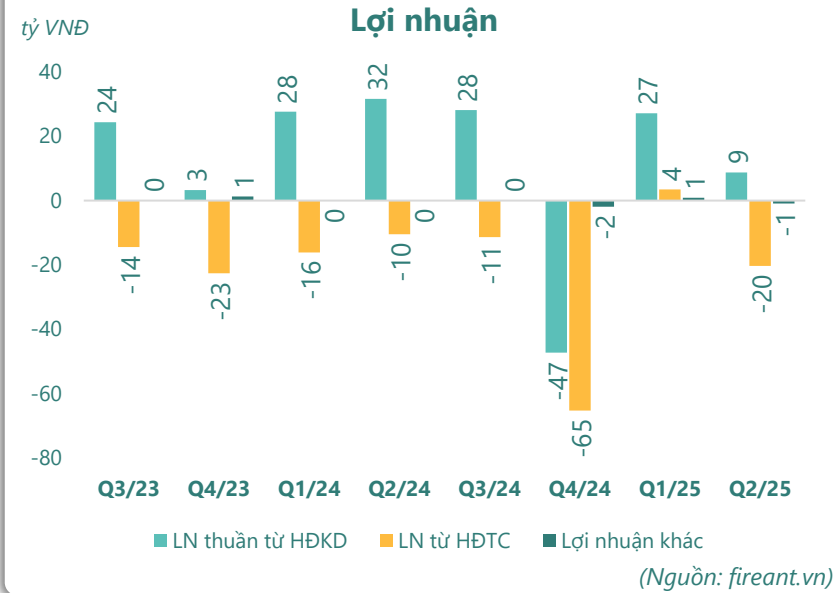
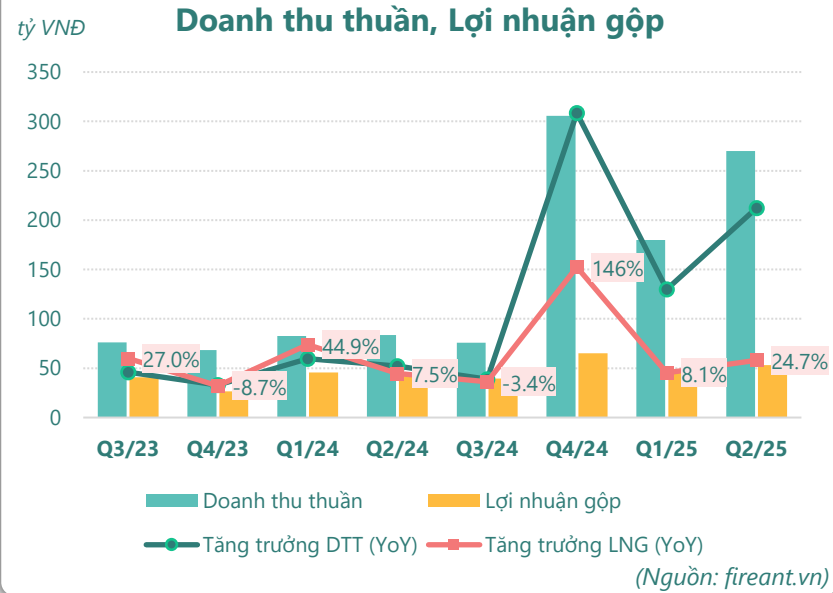
DT thuần 6T 2025
450
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 284 170%

LN thuần 6T 2025
36.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 23.3 -39.4%

LN sau thuế 6T 2025
30.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼ 27.2 -46.8%



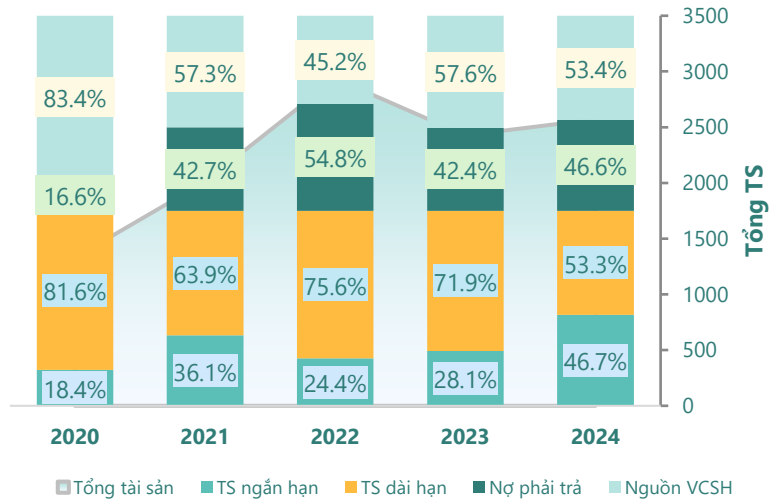
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

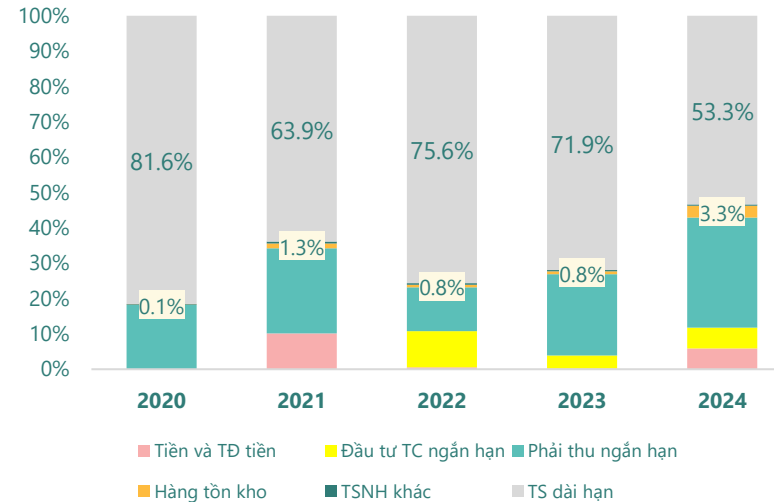
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

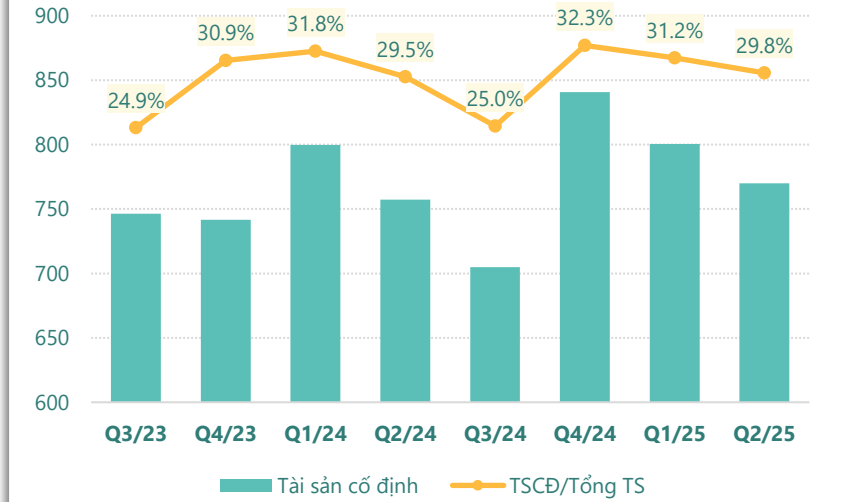
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

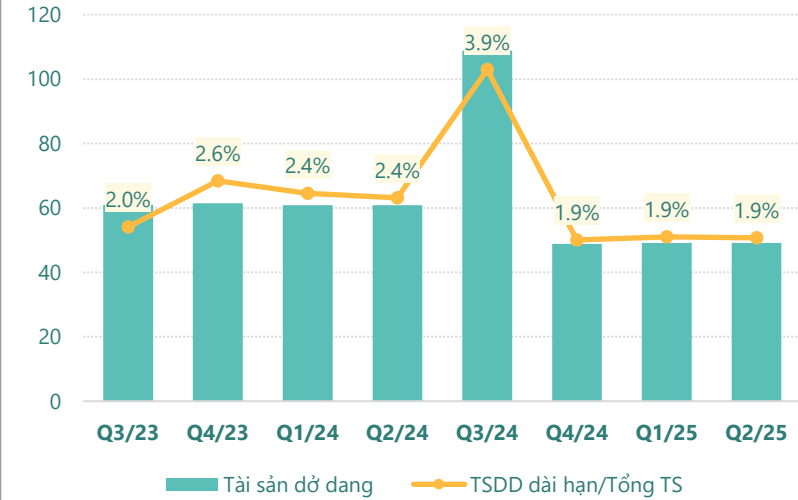
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

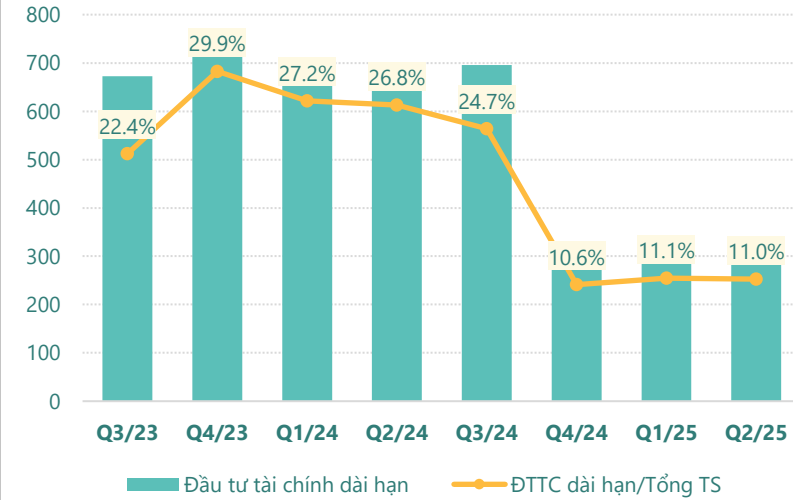
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

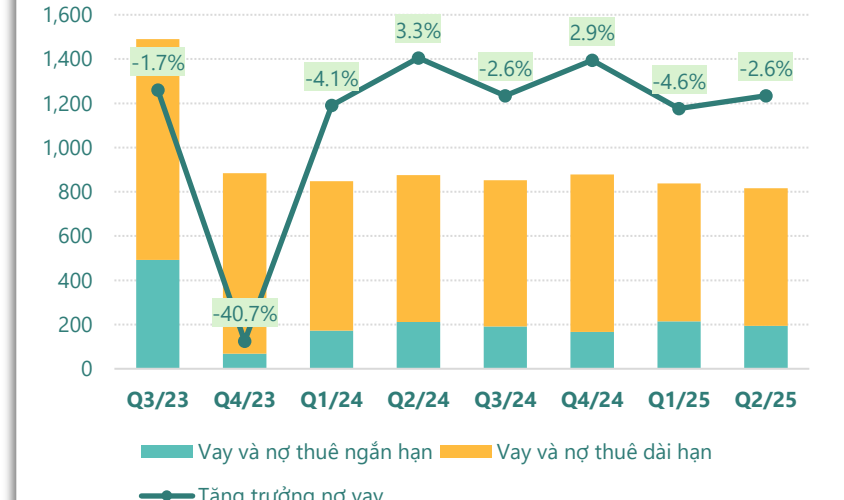
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

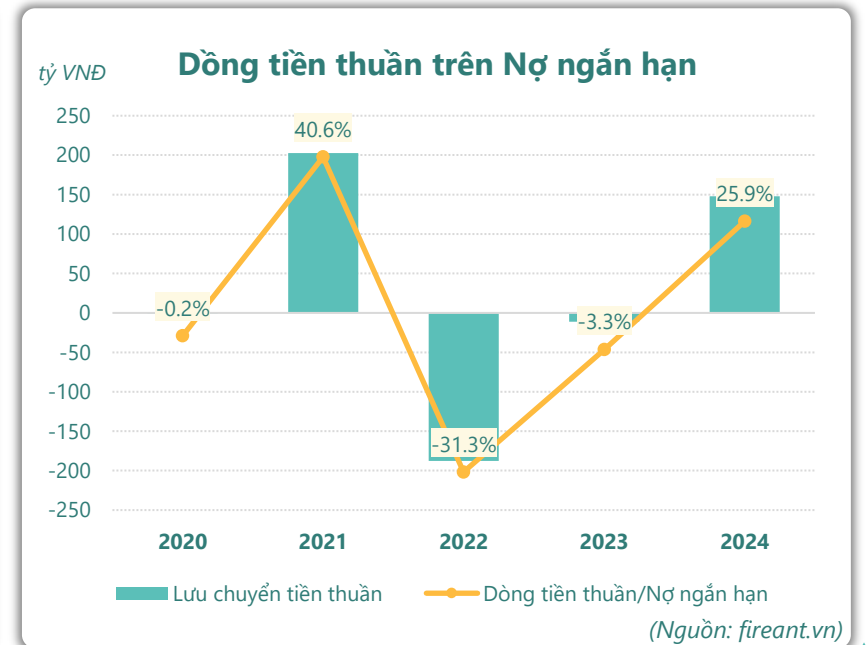
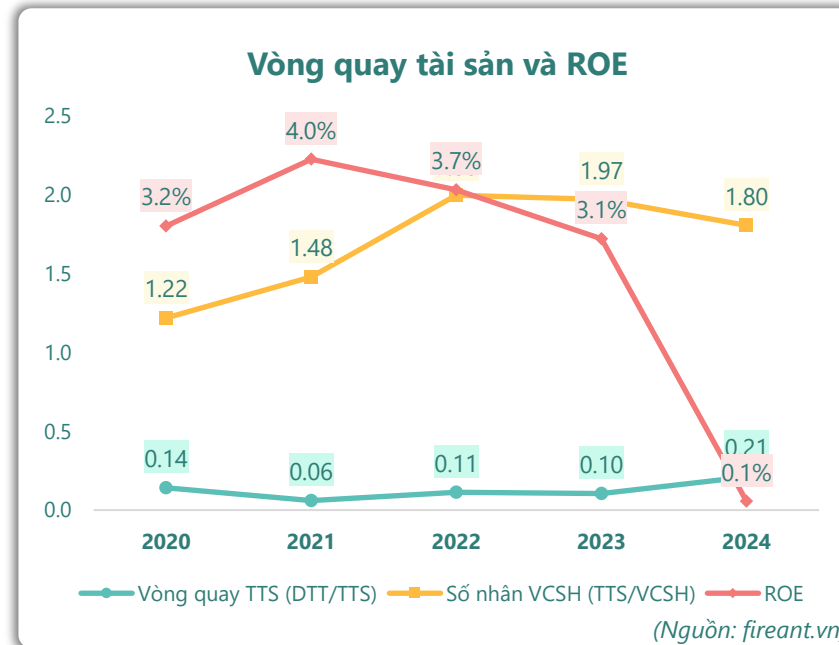
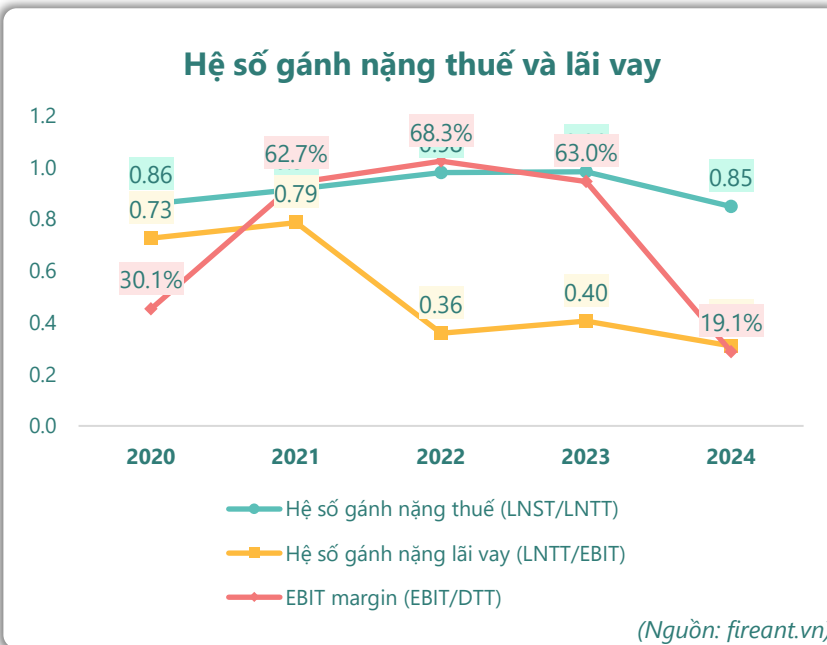
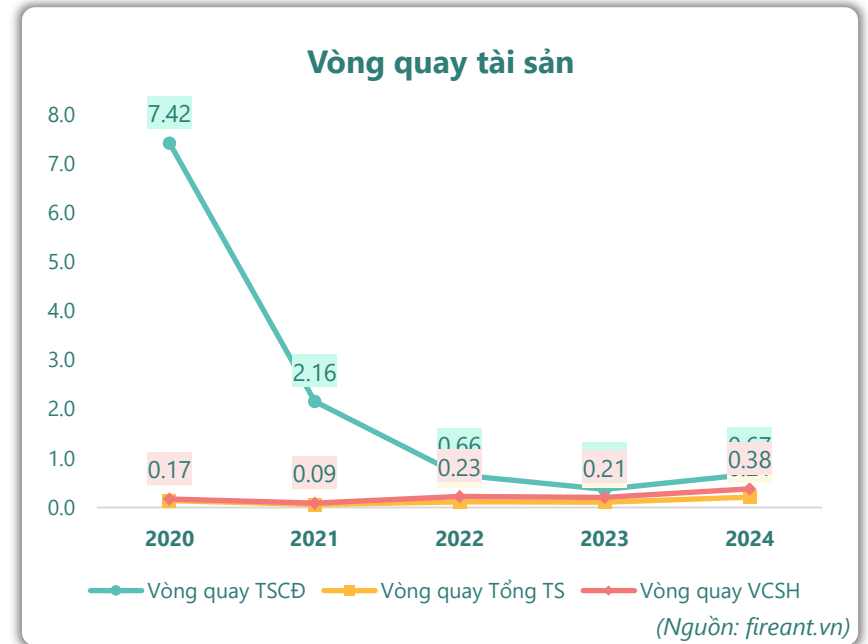
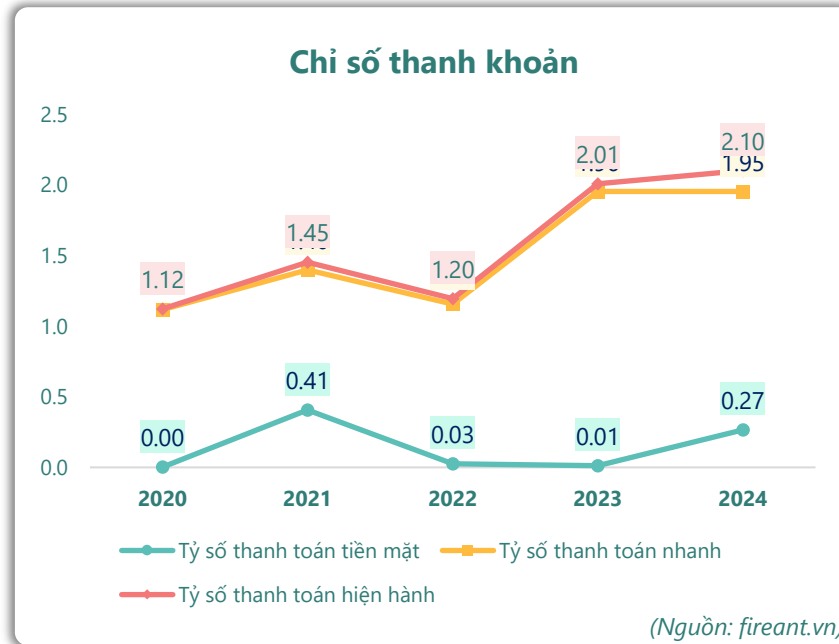
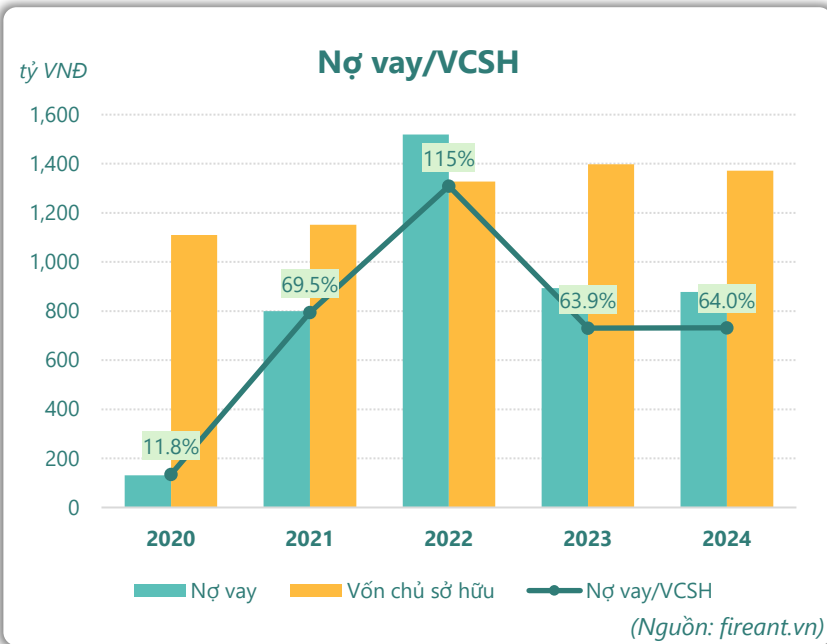
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	270	83.6	223%	450	166	170%
Giá vốn hàng bán	217	41.0	429%	347	78.2	344%
Lợi nhuận gộp	53.1	42.6	24.8%	102	88.1	16.2%
Doanh thu HĐTC	1.85	4.13	-55.2%	9.19	5.69	61.6%
Chi phí TC	22.2	14.6	51.9%	26.0	32.2	-19.4%
Chi phí lãi vay	22.7	14.1	61.3%	29.8	31.1	-4.2%
LN trong công ty LKLD	7.63	5.12	49.0%	15.7	11.1	41.1%
Chi phí bán hàng	2.34	0.36	549%	6.06	0.71	755%
Chi phí QLDN	29.3	5.30	453%	59.2	12.7	367%
LN thuần từ HĐKD	8.79	31.6	-72.2%	36.0	59.3	-39.4%
Lợi nhuận khác	-0.88	-0.04	-2112%	-0.02	-0.05	67.8%
LN trước thuế	7.91	31.6	-75.0%	35.9	59.3	-39.3%
Lợi nhuận sau thuế	3.30	30.7	-89.3%	30.8	58.0	-46.8%
LNST của CĐ cty mẹ	-8.50	19.0	-145%	6.46	35.3	-81.7%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	409	-22.4	24.7	-332	-9.75	35.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-290	-6.24	-63.5	441	-5.40	-4.11
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-45.6	28.0	-22.1	25.0	-40.1	-21.7
Tiền đầu kỳ	4.21	77.8	77.1	16.2	152	96.8
Lưu chuyển tiền thuần	73.6	-0.62	-60.9	135	-55.2	9.29
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	77.8	77.1	16.2	151	96.8	106

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,580	2,570	0.4%
Tài sản ngắn hạn	1,248	1,199	4.1%
Tiền và tương đương tiền	106	152	-30.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	143	151	-5.3%
Phải thu ngắn hạn	869	800	8.6%
Hàng tồn kho	117	85.1	37.0%
Tài sản ngắn hạn khác	13.4	10.7	25.2%
Tài sản dài hạn	1,332	1,371	-2.8%
Phải thu dài hạn	2.06	2.06	0.0%
Tài sản cố định	770	815	-5.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	49.1	48.8	0.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	285	272	4.8%
Tài sản dài hạn khác	103	86.7	18.4%
Lợi thế thương mại	124	146	-15.3%
Nợ phải trả	1,225	1,199	2.2%
Nợ ngắn hạn	598	570	4.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	194	252	-22.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	209	114	84.0%
Nợ dài hạn	627	629	-0.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	622	626	-0.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,355	1,371	-1.2%
Vốn chủ sở hữu	1,355	1,371	-1.2%
Vốn điều lệ	1,062	1,062	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

